

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Thanh**.

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1996.

ĐKKHKT: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Q**, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu T, thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương.
Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị H** trình bày: Chị và anh **Phạm Văn Q** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là thị trấn K), huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/5/2014. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị

không hợp nhau trong nhiều lĩnh vực, bên cạnh đó anh Q mãi chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ con, không chăm lo cho kinh tế gia đình, chị nhiều lần phải bế con về nhà đẻ ở. Đến năm 2017, chị đi lao động tại Nhật Bản, anh, chị rất ít liên lạc với nhau, năm 2018 chị yêu cầu anh Q đưa con về cho ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng. Năm 2019 anh Q sang Nhật Bản làm ăn cùng chị, tuy nhiên vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Hiện tại chị đã về nước, còn anh Q vẫn đang làm ăn ở Nhật Bản, vợ chồng không liên lạc và đã sống ly thân từ lâu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phạm Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Nguyễn Hà M, sinh ngày 15/12/2014, hiện con đang ở với chị. Chị đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh Q nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh Q. Ông Phạm Văn K (là bố đẻ anh Q) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh Q ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh Q vẫn liên lạc với gia đình qua mạng xã hội. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh Q biết, anh Q xác định quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh không đồng ý cho chị H đi lao động nước ngoài nhưng chị H vẫn cương quyết đi nên vợ chồng xảy ra cãi vã và anh đã đuổi chị H về nhà đẻ ở. Tuy nhiên chị H có đơn xin ly hôn anh không nhất trí, nếu chị H cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh xác định vợ chồng có một con chung như chị H trình bày, anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên và tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tòa án xác minh tại khu dân cư và chính Q địa pH nơi chị H, anh Q đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh Q. Sau đó chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, được một thời gian anh Q cũng sang Nhật Bản làm ăn, hiện tại chị H đã về nước còn anh Q vẫn sống ở nước ngoài, vợ chồng mỗi người ở một nơi. Nay chị H có đơn xin ly hôn, địa pH đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Con chung của chị H và anh Q là cháu Phạm Nguyễn Hà M có nguyện vọng được ở với chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ

hôn nhân: Xứ cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Văn Q. Về con chung: Giao con chung Phạm Nguyễn Hà M cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phạm Văn Q có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu Trung, thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, hiện anh Q đang lao động tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Q. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh Q cung cấp địa chỉ nhưng đại diện gia đình là ông Phạm Văn K không cung cấp được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh Q để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Q đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Gia đình ông K vẫn thường xuyên liên lạc với anh Q và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh Q. Tuy nhiên anh Q vắng mặt lần thứ hai. Chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tráng Liệt (nay là thị trấn Kê Sắt), huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/5/2014 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không thống nhất được với nhau về các vấn đề trong cuộc sống, chị H muốn đi làm ăn ở nước ngoài nhưng anh Q không đồng ý. Bản thân anh Q không chịu khó làm ăn, không chăm lo đến kinh tế gia đình, chị H phải nhiều lần cho con về nhà bố mẹ đẻ để nương tựa. Mặc dù, chị H và anh Q cùng có thời gian lao động tại Nhật Bản nhưng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Hiện tại chị H đã về nước và có đơn xin ly hôn anh Q, anh Q vẫn làm ăn ở Nhật Bản, anh không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng không liên lạc với chị. Thông qua gia đình, anh Q không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H ly hôn anh Q là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn Q có một con chung là Phạm Nguyễn Hà M, sinh ngày 15/12/2014, hiện con đang ở với chị H, chị H và anh Q đều đề nghị được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, anh Q không mặt tại Việt Nam nên không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu Phạm Nguyễn Hà M đang do chị H nuôi dưỡng ổn định, cháu phát triển tốt và cháu có nguyện vọng được ở với chị H, cháu vẫn còn nhỏ cần có sự chăm sóc từ người mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao con chung Phạm Nguyễn Hà M cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tạm thời không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phạm Nguyễn Hà M, sinh ngày 15/12/2014 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tạm thời không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004685 ngày 17/01/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về Q kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Văn Q được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND thị trấn Kẻ Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường